TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNST
Ngày: 16-01-2020
"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

2. Bà Võ Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 416/2019/TLST-HN, ngày 05/12/2019, về việc "Tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm X, phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Tr trình bày:

Bà Tr và ông T do mai mối đi đến hôn nhân vào tháng 11/2016, có tổ chức lễ cưới theo sự đồng ý của cha mẹ hai bên nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông bà chung sống tại gia đình của bà Tr và cũng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến tháng 8 năm 2018 ông T tự ý bỏ về nhà tại phường A, thành phố VL để sinh sống, từ đó ông bà không liên lạc với nhau, không còn quan tâm nhau. Nay bà Tr xác định không còn tình cảm với ông T vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Về phía bị đơn ông Phan Văn T tại tòa vắng mặt nhưng ý kiến có tại hồ sơ trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông T thống nhất lời trình bày của bà Tr. Ông T cũng đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Tr và ông T là vợ chồng do ông bà không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Phan Văn T do mai mối tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau ông bà có thời gian hơn 02 năm chung sống như vợ chồng nhưng vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp. Bà Tr trình bày thời gian bà và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc và sau khi ông Tưởng bỏ gia đình đi thì ông bà cũng không liên lạc với nhau, do đó tình cảm của hai bên không còn và không thể hàn gắn, bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng ông T cũng đồng ý. Xét yêu cầu này của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn phù hợp Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Minh Tr phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Phan Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Tr được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 02/10/2019 theo biên lai thu số N_0 0004934 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL. Bà Tr đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục thi hành án DS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu.